

Số: /QĐ- UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua vắc xin dịch vụ
tại Trung tâm Y tế thành phố Sầm Sơn năm 2023 - 2024**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Dược ngày 06 tháng 4 năm 2016;

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược; Nghị định số
155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy
định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước
của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng
Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng
Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định chi tiết cung cấp, đăng tải thông tin về
đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ
Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì
hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc vũ trang nhân dân,
đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức
chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;
Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của
Thông tư số 58/2016/TT-BTC;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y
tế quy định về việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; Thông tư số
15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục thuốc
đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng
hình thức đàm phán giá; Thông tư số 15/2021/TT-BYT ngày 24/9/2021 của Bộ*

trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Y tế thành phố Sầm Sơn tại Tờ trình số 287/TTr-TTYT ngày 10/7/2023; Tờ trình 361/TTr-TTYT ngày 21/8/2023 kèm theo Báo cáo thẩm định số 4041/BC-SYT ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Sở Y tế về Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua vắc xin dịch vụ tại Trung tâm Y tế thành phố Sầm Sơn năm 2023 - 2024 và các hồ sơ liên quan.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua vắc xin dịch vụ tại Trung tâm Y tế thành phố Sầm Sơn năm 2023 - 2024, gồm những nội dung sau:

1. Tên gói thầu: Mua vắc xin dịch vụ tại Trung tâm Y tế thành phố Sầm Sơn năm 2023 - 2024.
2. Giá gói thầu: 5.607.919.316 đồng (*Bằng chữ: Năm tỷ, sáu trăm lẻ bảy triệu, chín trăm mười chín ngàn, ba trăm mười sáu đồng*). Theo từng phần, chi tiết tại phụ lục kèm theo.
3. Nguồn vốn: Từ nguồn thu dịch vụ của Trung tâm Y tế thành phố Sầm Sơn.
4. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.
5. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
6. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý III- Quý IV/2023.
7. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
8. Thời gian thực hiện hợp đồng: Không quá 12 tháng, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2. Trung tâm Y tế thành phố Sầm Sơn chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác đối với danh mục, dự toán, kết quả thẩm định và trình tự, thủ tục tổ chức thực hiện Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu nêu trên theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật; báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Y tế; Giám

độc Kho bạc nhà nước tỉnh; Giám đốc Trung tâm Y tế thành phố Sầm Sơn tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX_{NVH}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized, flowing characters that appear to be 'Đầu Thanh Tùng'.

Đầu Thanh Tùng

Phụ lục

DANH MỤC GÓI THẦU: MUA VẮC XIN DỊCH VỤ TẠI TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ SÀM SƠN NĂM 2023 - 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Giải độc tổ uốn ván tinh chế	Nhóm 4	≥ 40 IU/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	100	13.440	1.344.000
2	Virus Rota sống, giảm độc lực typ G1P [8]	Nhóm 4	≥ 2 triệu PFU/2ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Lọ	2.080	339.780	706.742.400
3	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg	Nhóm 5	20mcg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	325	66.780	21.703.500
4	Huyết thanh kháng uốn ván	Nhóm 4	1500 UI	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	692	25.263	17.481.996
5	Kháng nguyên tinh chế từ vi rút đại chủng L.Pasteur 2061/VERO	Nhóm 5	$\geq 2,5$ IU/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	900	164.800	148.320.000
6	BCG sống, đông khô	Nhóm 4	0,5mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Ống	50	60.900	3.045.000
7	Vi rút viêm não Nhật Bản chủng Nakayama bất hoạt, tinh khiết	Nhóm 4	Virus Viêm não Nhật Bản bất hoạt, tinh khiết - chủng Nakayama. Tương đương 1 đơn vị vắc xin mẫu chuẩn Quốc gia	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	1.157	49.815	57.635.955
8	Chủng Rotavirus ở người sống giảm độc lực	Nhóm 1	$\geq 10^{6.0}$ CCID ₅₀ /1,5ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống/ tuýp	100	700.719	70.071.900
9	Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid	Nhóm 1	Mỗi 0,5 ml có chứa: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid của phế cầu khuẩn	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm	20	1.077.300	21.546.000

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
	của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid của phế cầu khuẩn; Cộng với Protein vận chuyển CRM197.		2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid của phế cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Cộng với Protein vận chuyển CRM197 32mcg.						
10	Biến độc tố bạch hầu; Biến độc tố uốn ván; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà (PT) và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) và Pertactin (PRN); Kháng nguyên bề mặt vi rút viêm	Nhóm 1	≥ 30 IU; ≥ 40 IU; 25 mcg; 25 mcg; 8 mcg; 10mcg; 40 DU; 8 DU; 32 DU; 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	1.599	864.000	1.381.536.000

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
	gan B (HBV); Vi rút bại liệt týp 1 bất hoạt (chủng Mahoney); Vi rút bại liệt týp 2 bất hoạt (chủng MEF-1); Vi rút bại liệt týp 3 bất hoạt (chủng Saukett); Polysaccharide của Haemophilus influenza týp B cộng hợp với giải độc tố uốn ván như protein chất mang (PRP-TT)								
11	Vi rút sởi; Vi rút quai bị; Vi rút rubella	Nhóm 1	Mỗi 0,5ml chứa: Virus sởi ≥ 1000 CCID50; virus quai bị ≥ 12500 CCID50; virus rubella ≥ 1000 CCID50	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	100	164.620	16.462.000
12	Vi rút thủy đậu chủng Oka sống, giảm độc lực	Nhóm 1	≥ 1350 PFU/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	50	714.440	35.722.000
13	Polysaccharide của các týp huyết thanh 1 ^{1,2} , 5 ^{1,2} , 6B ^{1,2} , 7F ^{1,2} , 9V ^{1,2} , 14 ^{1,2} , 23F ^{1,2} và của các týp huyết thanh 4 ^{1,2} , 18C ^{1,3} , 19F ^{1,4}	Nhóm 1	1mcg 3mcg	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm	1.170	829.900	970.983.000
14	Vắc xin tái tổ hợp phòng vi rút HPV ở người týp 6,11,16,18.	Nhóm 1	Mỗi liều 0,5ml chứa 20mcg protein L1 HPV6 ; 40mcg protein L1 HPV11; 40mcg protein L1 HPV 16; 20mcg protein L1 HPV18	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	450	1.509.600	679.320.000
15	Protein L1 HPV týp 6; protein L1 HPV týp 11; protein L1 HPV týp 16; protein L1 HPV týp 18; protein L1 HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58	Nhóm 1	30mcg; 40mcg; 60mcg; 40mcg; 20mcg; 20mcg; 20mcg; 20mcg; 20mcg/0.5ml	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm	30	2.572.500	77.175.000
16	Polysaccharide não mô cầu nhóm huyết thanh A (đơn giá cộng hợp); Polysaccharide não mô cầu nhóm huyết thanh C (đơn giá cộng hợp);	Nhóm 1	Mỗi 0,5ml chứa: Polysaccharide não mô cầu nhóm huyết thanh A (đơn giá cộng hợp) 4 μ g; Polysaccharide não mô cầu nhóm	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	50	1.050.000	52.500.000

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
	Polysaccharide não mô cầu nhóm huyết thanh Y (đơn giá cộng hợp); Polysaccharide não mô cầu nhóm huyết thanh W135 (đơn giá cộng hợp); Protein giải độc tổ bạch hầu		huyết thanh C (đơn giá cộng hợp) 4µg; Polysaccharide não mô cầu nhóm huyết thanh Y (đơn giá cộng hợp) 4µg; Polysaccharide não mô cầu nhóm huyết thanh W135 (đơn giá cộng hợp) 4µg; Protein giải độc tổ bạch hầu 48µg (Protein mang cộng hợp Polysaccharide đối với tất cả các nhóm huyết thanh)						
17	Giải độc tổ bạch hầu; giải độc tổ uốn ván; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tổ ho gà (PT), Ngưng kết tổ hồng cầu dạng sợi (FHA); Virus bại liệt (bất hoạt): Típ 1 (Mahoney), típ 2 (MEF-1), típ 3 (Saukett); Kháng nguyên bề mặt viêm gan B; Polysaccharide của Haemophilus influenzae típ b (Polyribosylribitol Phosphate) cộng hợp với protein uốn ván	Nhóm 1	Mỗi 0,5ml: Giải độc tổ bạch hầu ≥ 20 IU; Giải độc tổ uốn ván ≥ 40 IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tổ ho gà (PT) 25 mcg, Ngưng kết tổ hồng cầu dạng sợi (FHA) 25 mcg; Vi-rút bại liệt (bất hoạt): típ 1 (Mahoney) 40 DU, típ 2 (MEF-1) 8 DU, típ 3 (Saukett) 32 DU; Kháng nguyên bề mặt viêm gan B5 10 mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae típ B 12 mcg; (Polyribosylribitol Phosphate) cộng hợp với protein uốn ván 22-36 mcg	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm	50	865.200	43.260.000
18	A/Brisbane/02/2018 (H1N1) pdm09-like strain (A/Brisbane/02/2018,IVR-190); A/South Australia/34/2019 (H3N2) - like strain (A/South Australia/34/2019, IVR -	Nhóm 1	Mỗi 0,5ml vắc xin chứa: A/Brisbane/02/2018 (H1N1) pdm09 - like strain (A/Brisbane/02/2018, IVR-190)- 15mcg haemagglutinin; A/South Australia/34/2019 (H3N2) - like strain (A/South	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm	780	251.450	196.131.000

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
	197); B/Washington/02/2019 - like strain (B/Washington/02/2019, wild type); B/Phuket/3073/2013 - like strain (B/Yamagata/16/88 lineage) (B/Phuket/3073/2013, wild type)		Australia/34/2019, IVR - 197) - 15mcg haemagglutinin; B/Washington/02/2019 - like strain (B/Washington/02/2019, wild type) - 15mcg haemagglutinin; B/Phuket/3073/2013 - like strain (B/Yamagata/16/88 lineage) (B/Phuket/3073/2013, wild type) - 15mcg haemagglutinin						
19	Virus đại bất hoạt (chủng Wistar PM/WI 38 1503-3M)	Nhóm 1	Mỗi 0,5ml dung dịch hoàn nguyên chứa: virus đại bất hoạt (chủng Wistar PM/WI 38 1503-3M) $\geq 2,5$ IU	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	150	241.595	36.239.250
20	Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B tinh khiết	Nhóm 4	20mcg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	350	65.940	23.079.000
21	Protein bao gồm kháng nguyên Vi rút viêm gan A tinh khiết	Nhóm 4	$< 100\text{mcg}/0,5\text{ml}$	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	13	95.400	1.240.200
22	Vi rút thủy đậu sống giảm độc lực	Nhóm 2	≥ 1.400 PFU	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	715	501.000	358.215.000
23	Protein màng ngoài tinh khiết vi khuẩn não mô cầu nhóm B; Polysaccharide vỏ vi khuẩn não mô cầu nhóm C	Nhóm 5	Mỗi 0,5ml chứa Protein màng ngoài tinh khiết vi khuẩn não mô cầu nhóm B 50mcg; Polysaccharide vỏ vi khuẩn não mô cầu nhóm C 50mcg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	715	151.704	108.468.360
24	Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt Vi rút cúm A H1N1; Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt Vi rút cúm A H3N2; Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt Vi rút cúm B; Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt Vi rút cúm B	Nhóm 2	Type A H1N1 - 15mcg; type A H3N2 - 15mcg; Type B - 15mcg; Type B-15mcg/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm	1.235	239.925	296.307.375

